

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **197/2024/DS-ST**

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà C. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà T có tham gia chơi dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2023 do bà N làm chủ hụi, dây hụi có 24 phần, bà T tham gia 01 phần, giấy hụi ghi tên “Cô T Cô C 2 triệu”. Bà T đóng hụi sống được 01 lần, đến lần khai hụi thứ 02 thì bà C hỏi mượn bà T hốt dây hụi này rồi đưa tiền cho bà C, sau đó bà C sẽ đóng hụi chết đầy đủ cho bà N. Vì là chị em ruột nên bà T chỉ thỏa thuận miệng với bà C mà không có làm giấy tờ cho vay tiền gì hết. Ngày 30/3/2023 âm lịch, bà T hốt hụi được 31.700.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng thì số tiền còn lại là 30.700.000 đồng, sau khi bà T lấy lại 2.000.000 đồng tiền hụi chết bà T đã đóng thì bà T đưa cho bà C mượn số tiền là 28.700.000 đồng.

Sau đó, bà C có đóng được 09 lần hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng x 09 lần = 18.000.000 đồng, còn lại 14 lần hụi chết, đến nay đã tới hạn 07 lần bà C còn nợ và 07 lần chưa đến hạn với số tiền là 2.000.000 đồng x 07 lần = 14.000.000 đồng thì bà C thiếu hoài không đóng tiền hụi chết. Sau khi bà N đòi bà C thì bà C có trả cho bà N được 1.000.000 đồng, nên số tiền hụi chết mà bà C còn thiếu là 14.000.000 đồng - 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Sau đó, bà N có yêu cầu bà C ký vào cam kết để trả số tiền nêu trên nhưng bà C vẫn không trả. Hiện nay bà N làm đơn khởi kiện bà T ra Tòa án để đòi lại tiền hụi chết, bà N buộc bà T phải bỏ tiền túi ra trả cho bà N, nên số tiền bà C còn thiếu bà T là 13.000.000 đồng.

Việc bà C cho rằng bà T có nhờ bà C đứng ra hỏi vay của bà X số tiền vốn 15.000.000 đồng giùm cho bà T là không có. Bà C tự vay tiền, tự đóng lãi cho bà X thì bà C tự chịu trách nhiệm trả. Bà C đã thừa nhận có nợ bà T 13.000.000 đồng thì bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền này. Còn việc bà C muốn khởi kiện bà T để đòi bà T trả số tiền lãi 28.500.000 đồng đối với khoản vay của bà X thì đó là việc của bà C.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả cho bà T số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà C trình bày:* Việc bà C có mượn bà T tiền hụi của dây hụi do bà N làm chủ hụi thì bà C thừa nhận là có. Đối với dây hụi này, bà T hốt được số tiền hụi là 31.700.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng thì số tiền còn lại là 30.700.000 đồng, sau khi bà T lấy lại 2.000.000 đồng tiền hụi chết bà T đã đóng thì bà T đưa cho bà C mượn số tiền là 28.700.000 đồng. Biên nhận mượn hụi đề ngày 14/12/2023 (bản chính hiện do bà N đang giữ) đúng là do hai bên lập, bà C có ký tên vào biên nhận, ngoài ra trong biên nhận còn có chữ ký của em ruột bà C và bà T là bà Y, lý do lập biên nhận này là do bà T yêu cầu lập để cho bà C ký tên vì bà T sợ bà C không đồng ý trả tiền cho bà T tại mỗi kỳ khai hụi để bà T đóng hụi chết cho bà N.

Lúc chị em bà T và bà C còn thuận thảo thì bà C trả tiền cho bà T tại mỗi kỳ khai hụi để bà T đóng hụi chết cho bà N đầy đủ, nhưng sau này do giữa bà T và bà C có xích mích chuyện tiền bạc, lý do là bà C có đứng ra hỏi vay của bà X số tiền vốn 15.000.000 đồng giùm cho bà T; việc vay tiền này do bà T nhờ bà C vay của bà X giùm cho bà T; bà T hứa sẽ trả vốn, lãi đầy đủ cho bà C để bà C trả cho bà X; bà X lấy lãi 1.500.000 đồng/tháng, bà C đã đóng lãi cho bà X được 19 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 28.500.000 đồng, nhưng bà T chỉ trả cho bà C số tiền vốn 15.000.000 đồng còn số tiền lãi 28.500.000 đồng thì bà T không trả cho bà C, hiện nay bà T cũng phủ nhận việc nhờ bà C vay tiền của bà X giùm cho bà T. Do bà T không trả tiền lãi cho bà C nên bà C mới không đồng ý tiếp tục trả tiền cho bà T tại mỗi kỳ khai hụi để bà T đóng hụi chết cho bà N.

Hiện nay, bà C xác định dây hụi của bà N còn lại 14 lần hụi chết bà C chưa trả tiền cho bà T để bà T đóng hụi chết cho bà N, gồm 07 lần tới hạn và 07 lần chưa tới hạn. 07 lần tới hạn với số tiền 2.000.000 đồng x 07 lần = 14.000.000 đồng bà C có trả được 1.000.000 đồng, nên còn nợ là 13.000.000 đồng thì bà T đang khởi kiện yêu cầu bà C trả; còn 07 lần chưa đến hạn thì bà T chưa có khởi kiện. Do bà T không

trả tiền lãi cho bà C nên bà C không đồng ý trả 13.000.000 đồng cho bà T theo yêu cầu khởi kiện của bà T; khi nào bà T trả đủ tiền lãi cho bà C thì bà C mới đồng ý trả 13.000.000 đồng cho bà T. Đối với việc đòi bà T trả số tiền lãi 28.500.000 đồng đối với khoản vay của bà X thì bà C sẽ khởi kiện, yêu cầu bà T trả sau, hiện nay bà C không có phản tố trong vụ án này để yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N trình bày:* Bà N có làm chủ hội dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2023, có 24 phần, bà T tham gia 01 phần. Người tham gia chơi hụi, đóng hụi, hốt hụi là bà T chứ không phải bà C; việc bà T chơi hụi không liên quan gì đến bà C. Do sau khi hốt hụi bà T không đóng hụi đầy đủ nên vợ chồng bà N có khởi kiện và Tòa án đã có quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án về việc bà T đồng ý trả cho vợ chồng bà N số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng, nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả.

Việc bà C có mượn bà T tiền hốt hụi của dây hụi nêu trên thì bà N có nghe nói, nhưng thỏa thuận giữa bà T và bà C như thế nào thì không rõ. Lúc chị em bà T và bà C còn thuận thảo thì bà T đóng tiền hụi cho bà N đầy đủ, nhưng sau này do giữa bà T và bà C có xích mích chuyện tiền bạc, lý do hai bên mượn tiền qua lại nhưng bà T không trả nợ cho bà C nên bà C cũng không đồng ý trả tiền để bà T đóng hụi cho bà N. Còn việc bà C và bà T nợ nần nhau cụ thể như thế nào thì bà N không rõ.

Việc giải quyết vụ án hiện nay không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà N và bà N cũng không có ý kiến về việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả cho bà T số tiền là 13.000.000 đồng. Đồng thời, bà N đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này, kể cả tại phiên tòa xét xử vụ án. Bà N cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả cho bà T số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi tài sản là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà C là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về tiền vốn: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và bà C thống nhất thừa nhận bà T có tham gia chơi dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2023 do bà N làm chủ hụi; bà T đóng hụi sống được 01 lần, đến lần khui hụi thứ 02 thì bà C hỏi mượn bà T hốt dây hụi này rồi đưa tiền cho bà C, sau đó bà C sẽ trả tiền cho bà T để bà T đóng hụi chết đầy đủ cho bà N tại mỗi kỳ khui hụi; bà T hốt hụi được số tiền 31.700.000 đồng trừ đầu thảo 1.000.000 đồng thì còn lại số tiền 30.700.000 đồng, sau khi bà T lấy lại 2.000.000 đồng tiền hụi chết đã đóng thì bà T đưa cho bà C mượn số tiền 28.700.000 đồng; sau đó, bà C đã trả tiền cho bà T để bà T đóng hụi chết cho bà N được 09 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng, hiện còn lại 14 lần hụi chết bà C chưa trả tiền cho bà T để bà T đóng hụi chết cho bà N gồm 07 lần hụi chết đã tới hạn và 07 lần hụi chết chưa tới hạn; 07 lần hụi chết đã tới hạn với số tiền 14.000.000 đồng, bà C có trả được 1.000.000 đồng nên còn nợ lại 13.000.000 đồng thì bà T đang khởi kiện yêu cầu bà C trả trong vụ án này, còn 07 lần hụi chết chưa đến hạn thì bà T chưa có khởi kiện. Sự thừa nhận này của bà T và bà C là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định việc bà C hiện còn nợ bà T số tiền 13.000.000 đồng đối với 07 lần hụi chết đã tới hạn là sự việc có thật.

[6] Tuy thừa nhận còn nợ bà T số tiền 13.000.000 đồng như đã nêu trên nhưng bà C cho rằng trước đây bà C có đứng ra hỏi vay của bà X số tiền vốn 15.000.000 đồng giùm cho bà T và bà T hứa sẽ trả vốn, lãi đầy đủ cho bà C để bà C trả cho bà X, nhưng bà T chỉ mới trả số tiền vốn 15.000.000 đồng còn số tiền lãi 28.500.000 đồng thì bà T chưa trả cho bà C, nên hiện nay bà C không đồng ý trả cho bà T số tiền 13.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà C còn nợ bà T số tiền 13.000.000 đồng đối với 07 lần hụi chết đã tới hạn và việc bà T có nợ bà C số tiền lãi 28.500.000 đồng phát sinh từ khoản vay của bà X (nếu có) là hai giao dịch hoàn toàn khác nhau; hai bên không có thỏa thuận khấu trừ 02 khoản tiền này với nhau và trong vụ án này bà C cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, trong trường hợp bà C cho rằng bà T có nợ bà C số tiền lãi 28.500.000 đồng và có tranh chấp thì bà C có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác; việc bà T chưa trả cho bà C số tiền lãi 28.500.000 đồng phát sinh từ khoản vay của bà X (nếu có) không làm loại trừ nghĩa vụ của bà C trong việc trả cho bà T số tiền 13.000.000 đồng đối với 07 lần hụi chết đã tới hạn.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng.

[8] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền 13.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi. Đối với 07 lần hội chết chưa tới hạn mà bà T chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì sau này khi hội tới hạn bà T có quyền tiếp tục khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà C phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 13.000.000 đồng x 5% = 650.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà C trả số tiền còn nợ.

Buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 325.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006125, ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà C phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 650.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bà T và bà C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối

với bà N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt